

Số: 623/VEAM-VPHĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- **Tên công ty:** TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP (VEAM)

- **Mã chứng khoán:** VEA

- **Trụ sở chính:** Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.62800802 Fax: 024.62800809

- **Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Lê Minh Quy - Phó Tổng giám đốc
Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.62800802 Fax: 024.62800809

- **Loại thông tin công bố:** 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- **Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-HĐQT về việc tạm thời ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2025 của VEAM.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPHĐQT. *gc*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Người thực hiện công bố thông tin
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Minh Quy

Tài liệu kèm theo:

Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 30/8/2022 của Hội đồng quản trị.

Số: **56** /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày **30** tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tạm thời ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn
giai đoạn 2021-2025 của VEAM**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị VEAM ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị VEAM (HĐQT);

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của HĐQT;

Căn cứ Nghị quyết số 123/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của HĐQT về việc tạm thời ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) trung hạn giai đoạn 2021-2025 của VEAM,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm thời ban hành Kế hoạch SXKD trung hạn giai đoạn 2021-2025 của VEAM với các nội dung chính theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của Công ty mẹ theo Điều 1 của Quyết định này;

b) Đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 tại các công ty con của VEAM: DISOCO, SVEAM, TAMAC, CK THĐ, VCN, FUTU1, FOMECO, CKCX1;

c) Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của Công ty mẹ và các công ty con nêu tại Điểm b, Khoản 1 Điều này. Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện và các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Chủ tịch, Giám đốc công ty TNHH MTV 100% vốn VEAM, Viện trưởng Viện Công nghệ, Người đại diện vốn tại FUTU1, FOMECO, CKCX1 có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban điều hành của đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của đơn vị theo Điều 1 của Quyết định này;

b) Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của đơn vị. Báo cáo VEAM kết quả thực hiện và các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Văn phòng/Ban chức năng VEAM; Chủ tịch, Giám đốc công ty TNHH MTV 100% vốn VEAM; Viện trưởng Viện Công nghệ; Người đại diện vốn tại FUTU1, FOMECO, CKCX1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- BP ĐDVNN tại VEAM;
- Đảng ủy CQ VEAM;
- Ban kiểm soát;
- BCĐ 47; *he*
- CBTT;
- Lưu: VT, VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hải



Phụ lục

KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2022)

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xây dựng VEAM trở thành một doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực cơ khí chế tạo tại Việt Nam, với quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính. Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề và văn hóa doanh nghiệp; Có thị trường và thương hiệu hấp dẫn để mở rộng SXKD; Có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với thế mạnh truyền thống của VEAM để phát triển ổn định, bền vững.

b) Tiếp tục duy trì và tập trung phát triển sản xuất kinh doanh các ngành nghề chính, gồm: Động cơ và máy nông nghiệp; ô tô - xe máy; công nghiệp hỗ trợ.

c) Đảm bảo sự tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế, duy trì việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động và đảm bảo tối đa các lợi ích của cổ đông.

2. Các nhiệm vụ chính

a) Nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo máy nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ bằng cách đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư năng lực thiết bị, công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực có tính trọng tâm nhằm nắm giữ và chiếm lĩnh thị phần tương xứng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

b) Tham gia sâu, rộng vào các chuỗi cung ứng toàn cầu trong lĩnh vực sản xuất xe máy, ô tô và nhiều loại máy móc công nghiệp, nông nghiệp khác.

c) Tăng cường hợp tác quốc tế và nội địa hóa đối với sản phẩm ô tô tải do VEAM sản xuất.

d) Cơ cấu lại Công ty mẹ, các công ty con theo hướng tăng cường công tác quản trị; khai thác triệt để năng lực, thế mạnh của các đơn vị; Xem xét, thoái vốn tại các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, hoặc có tỷ trọng sở hữu vốn nhỏ hoặc có ngành nghề kinh doanh không phù hợp với định hướng phát triển của công ty mẹ.

3. Các chỉ tiêu chính

3.1. Công ty mẹ

- Tổng doanh thu: tăng trưởng bình quân 6-7%/năm



- Lợi nhuận sau thuế: tăng trưởng bình quân 5-8%/năm.
- Thu nhập bình quân của người lao động: tăng trưởng bình quân 6%/năm.
- Giá trị cụ thể các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch 2021-2025
1	Giá trị SXCN	456	481	582	911	1.189	3.619
2	Tổng doanh thu	6.805	5.978	6.579	6.832	7.369	33.563
-	Doanh thu BH&CCDV	596	642	1.017	1.036	1.327	4.618
-	Doanh thu tài chính	6.209	5.336	5.562	5.797	6.042	28.945
3	Xuất khẩu	4,5	4,8	5,2	5,6	6	26,1
4	Lao động và thu nhập						
-	Lao động bình quân (người)	900	900	900	900	900	900
-	thu nhập bình quân (triệu đồng)	13,0	13,0	13,8	14,6	15,5	14,0
5	Lợi nhuận sau thuế	6.018	4.993	5.053	5.393	5.685	27.142

* **Ghi chú:** Năm cơ sở để tính tốc độ tăng trưởng là năm 2022.

3.2. Chỉ tiêu hợp nhất (bao gồm các công ty con)

- Giá trị sản lượng và doanh thu sản xuất công nghiệp: tăng trưởng bình quân 8-10%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế: tăng trưởng bình quân 5-8%/năm.
- Thu nhập bình quân của người lao động: tăng trưởng bình quân 5%/năm.
- Giá trị cụ thể các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch 2021-2025
1	Giá trị SXCN	3.124	3.346	3.638	4.139	4.607	18.854
2	Tổng doanh thu	9.965	9.573	9.910	10.342	11.074	50.864
3	Xuất khẩu	40,8	41,5	41,8	45,1	49,0	218,2
4	Lao động và thu nhập						
-	Lao động bình quân	4.380	4.434	4.487	4.525	4.563	
-	thu nhập bình quân	11	11,5	12,1	12,7	13,4	
5	Lợi nhuận sau thuế	6.143	5.137	5.234	5.586	5.892	27.992

* **Ghi chú:**

- Năm cơ sở để tính tốc độ tăng trưởng là năm 2022.

3.3. Tổng hợp kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 của một số công ty có vốn góp chi phối của VEAM

Bảng 01. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	672	732	830	905	990
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	704	738	847	922	1.008
3	Xuất khẩu	Tr. USD	6,3	7,8	8,7	9,6	10,87
4	Nhập khẩu	Tr. USD	0,73	0,85	0,7	0,7	0,7
5	Lao động & thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	833	853	871	881	891
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	11,1	12,0	12,5	12,7	13,8
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,1	45,0	54,1	57,3	60,4
7	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.701	1.707	1.710	1.712	1.715
-	Tr. đó: Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.529	1.732	1.535	1.540	1.550

Bảng 02. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (SVEAM)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
A	B	C	2	3	4	5	6
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	263,7	315	409	432	459
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	350	369	455	480	510
3	Xuất khẩu (bao gồm Gia công)	Tr. USD	7,3	7,7	9,4	10,1	10,8
4	Lao động và thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	300	309	319	330	340
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	9,8	10,5	11,3	12,1	13,0
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,4	18,0	29,5	31,0	33,0
6	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	360	365	370	375	380
-	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	347	347	347	347	347

**Bảng 03. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	15	18,8	18,68	20,38	21,92
2	Sản phẩm chủ yếu SX						
	+ Máy kéo BS86	Cái	600	600	650	700	700
	+ Máy kéo BS12A1	Cái	200	200	150	130	120
	+ Phay đất BS12A1	Cái	200	200	150	130	120
	+ Phụ tùng máy kéo	Tỷ đồng	3,26	3,26	3,41	3,41	3,79
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	31,5	38,2	31,1	33,1	35,1
4	Lao động và thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	62	62	57	55	55
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	6,59	6,59	7,44	7,45	7,45
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(2,9)	0,2	1,63	2,15	2,52
6	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	197,37	194,84	192,80	191,31	190,23
-	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	(34,87)	(33,77)	(32,14)	(29,99)	(27,47)

**Bảng 04. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (CK THĐ)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	47,5	66,4	108,5	117,2	126,5
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	53,6	73,2	115,3	124,5	133,9
3	Xuất khẩu	Tỷ đồng	0,95	1,22			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(17,1)	(8,4)	0,6	2,0	4,1
5	Lao động và thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	120	140	160	172	185
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	9,0	9,2	9,5	10,2	10,9
6	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	279,04	279,51	278,71	279,6	282,63
-	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	233,79	233,79	234,39	236,39	240,49

**Bảng 05. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Viện Công nghệ (VCN)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	63	69	72,60	77,71	83,42
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	62,7	68,5	73,28	78,41	84,53
3	Lao động & thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	75	80	80	80	80
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	11,00	11,50	12,00	12,50	13,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(0,8)	(0,4)	(0,12)	0,14	0,55
5	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	140,00	135,00	130,00	130,00	130,00
-	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	113,30	113,04	113,17	113,50	114,14

**Bảng 06. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	722	745	780	810	840
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	778	790	830	870	910
3	Xuất khẩu	Tr. USD	2,7	3,2	3,6	4,0	4,5
4	Lao động & thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	1.145	1.140	1.135	1.132	1.127
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	10,9	11,5	12,0	12,6	13,2
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,3	45,0	47,5	50,0	52,5
6	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	250	250	250	250	250
	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	70,8	70,8	70,8	70,8	70,8

304-
 3 TY
 ỨC V
 IGHÍ
 AM
 3
 HA

**Bảng 07. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty CP Cơ khí Phổ Yên (FOMEKO)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	779,2	819,3	725	746	769
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.066	1.053	868	883	896
3	Xuất khẩu	Tỷ đồng	20	18,1	14,9	15,8	16,4
4	Lao động và thu nhập						
	+ Lao động bình quân	Người	915	915	920	925	930
	+ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	13,8	14,6	15,4	16,1	16,9
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	33,8	41,2	43,5	45,7	48,0
6	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	280	282	285	287	290
	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	107	108	110	112	114

**Bảng 08. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1 (CKCX 1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	2022	2023	2024	2025
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	104,8	100	112	120	128
	Lao động và thu nhập						
2	Lao động BQ	Người	105	115	125	130	135
	Thu nhập BQ (tr.đ)	Tr. đồng	11,5	12	12,6	13,2	13,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,5	3,5	4,4	5,0	5,5
4	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	99,75	104,74	109,97	113,27	115,54
	Trong đó vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	100,37	100,89	102,33	102,83	102,9

4. Giải pháp chính

4.1. Về quản trị nguồn nhân lực

- Kiện toàn bộ máy, tổ chức Văn phòng VEAM theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với định hướng ngành nghề của VEAM và xu thế phát triển của thị trường trên nguyên tắc kế thừa nguồn lực hiện có. Trong đó, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ từng phòng/ban; nhiệm vụ, quyền hạn từng vị trí trong sơ đồ tổ chức.

- Ứng dụng các phần mềm quản lý vào từng lĩnh vực cụ thể nhằm giảm sức lao động, nâng cao tính chính xác và hiệu quả công việc, như: sử dụng phần mềm quản lý

hàng tồn kho, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm hợp trực tuyến...

- Thường xuyên hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ để xây dựng cơ chế quản lý, quản trị, phân cấp phù hợp với mô hình quản trị, định hướng ngành nghề của VEAM và yêu cầu thực tế của thị trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về phân phối thu nhập, đào tạo, sử dụng lao động phù hợp để ổn định, nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực hiện có và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

4.2. Về sản phẩm và thị trường

a) Động cơ và máy nông nghiệp

- Duy trì các sản phẩm động cơ và máy nông nghiệp VEAM có lợi thế cạnh tranh và mang lại hiệu quả kinh tế; trong đó, chú trọng nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới: Máy kéo 4 bánh, thiết bị liên hợp gắn với máy kéo 4 bánh, máy thu hoạch, xe vận chuyển, hộp số thủy.

- Đề xuất với các cơ quan chức năng những chính sách hỗ trợ về sản xuất máy nông nghiệp trong nước; Tìm kiếm cơ hội hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp quy mô lớn trên thế giới; Nghiên cứu phát triển các sản phẩm phục vụ cho ngư nghiệp, lâm nghiệp và máy móc nông nghiệp sau thu hoạch.

b) Công nghiệp hỗ trợ

- Duy trì và phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ hiện tại; tăng cường sản lượng bán hàng của các đơn vị thành viên cho các doanh nghiệp sản xuất ô tô, xe máy trong nước như Honda, Yamaha, Toyota và các doanh nghiệp FDI khác.

- Tích cực phát triển thêm các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao hơn như: Sản phẩm gia công, chế tạo tinh, các chi tiết truyền động, bánh răng, trục; các sản phẩm là các cụm chi tiết hoàn chỉnh cho các doanh nghiệp FDI và xuất khẩu.

- Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác có uy tín, quy mô toàn cầu để xem xét, tiến tới thành lập các doanh nghiệp liên doanh, liên kết.

- Đẩy mạnh việc sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực thế mạnh của VEAM như: Tạo phôi đúc, rèn, dập.

- Tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến, phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm của VEAM.

c) Ô tô thương hiệu VEAM

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các dòng xe tải mang thương hiệu VEAM mà thị trường có nhu cầu và có lợi nhuận. Đàm phán với các đối tác có uy tín của nước ngoài để hợp tác sản xuất, lắp ráp các loại ô tô tải khác. Khai thác triệt để năng lực về thiết bị, nhà xưởng để hợp tác, gia công, sản xuất, lắp ráp cho các nhà sản xuất xe ô tô có thương hiệu.

- Cùng cố xây dựng hệ thống Đại lý và xây dựng tạo uy tín, thương hiệu VEAM MOTOR trên thị trường.

- Hợp tác sản xuất công nghiệp phụ trợ, phụ tùng ô tô trên cơ sở khai thác dây chuyền sơn tĩnh điện, dây chuyền dập và dây chuyền hàn hiện có của Nhà máy ô tô VEAM.

4.3. Công tác tài chính

- Đảm bảo, ổn định nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý và sử dụng vốn nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho VEAM.
- Tìm kiếm các giải pháp để thu hồi vốn và công nợ, đặc biệt là các khoản nợ phải thu khó đòi, đã quá hạn nhiều năm của VEAM tại các công ty con, công ty liên kết.
- Thực hiện thoái vốn tại các công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả hoặc có tỷ trọng sở hữu vốn nhỏ, hoặc có ngành nghề không phù hợp với định hướng phát triển của VEAM.

4.4. Giải pháp về phát triển sản phẩm mới, mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất

- Tăng cường đầu tư thiết bị, công nghệ đối với công tác thiết kế, chế tạo các sản phẩm mới, đặc biệt là công nghệ thiết kế đúc, rèn dập, bánh răng, trục gia công.
- Tích cực, chủ động tổ chức, phối hợp với các đơn vị thành viên nghiên cứu công nghệ chế tạo sản phẩm mới.
- Tăng cường hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học, trung tâm khoa học công nghệ trong và ngoài nước để thiết kế, chế tạo các sản phẩm mới.

4.5. Công tác đầu tư

- Tìm kiếm các nhà đầu tư nước ngoài có năng lực, kinh nghiệm về: lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; sản xuất, chế tạo động cơ, máy nông nghiệp và ô tô để tìm hiểu, nghiên cứu và hợp tác thành lập doanh nghiệp sản xuất, cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.
- Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, tập trung vào các lĩnh vực: tạo phôi (đúc, rèn, dập); gia công cơ khí; các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.
- Đẩy mạnh sự gắn kết giữa các đơn vị thành viên, lấy Công ty mẹ là trụ cột để nghiên cứu hợp tác sản xuất các cụm chi tiết, các sản phẩm hoàn chỉnh có giá trị cao mang thương hiệu VEAM.

4.6. Quản trị rủi ro

- Nhận diện, phân tích, đánh giá rủi ro, đề ra các chương trình hành động quản trị rủi ro. Đây là một nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động quản lý, điều hành.
- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong toàn bộ hệ thống quản lý, điều hành của VEAM đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động.

4.7. Giải pháp về an toàn môi trường và phát triển bền vững

- Tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững.
 - Chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ cao; từng bước chuyển đổi công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.
 - Tăng cường áp dụng Kaizen, 5S, sản xuất sạch hơn trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Sử dụng năng lượng tiết hiệu và hiệu quả, định kỳ thực hiện kiểm toán năng lượng.
-